

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.438.098	22.331.299
Tiền gửi ngân hàng	310.707.364	1.434.132.158
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) (*)	46.200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>46.516.145.462</b>	<b>1.456.463.457</b>

(\*) Là tiền góp vốn của các cổ đông đang bị phong tỏa.

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	10.564.791.623	10.564.791.623
Công ty Cổ phần Cavico Giao Thông		6.713.066.001
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrinh	2.917.869.747	3.232.544.730
Công ty Cổ phần Thương mại và Công Nghiệp Việt Phát		4.526.478.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	45.493.982.764	15.676.990.073
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Đầu tư Hoàng Long	88.102.342	2.301.302.342
Ông Hồ Thế Doanh		725.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng		1.403.170.372
Công ty Cavico Xây dựng Thủy điện		638.003.416
Công ty TNHH Tiến Độ		300.000.000
Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	1.196.653.700	2.804.134.300
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thảo Nam		360.855.890
Khách hàng khác	482.861.164	509.544.019
<b>Cộng</b>	<b>60.744.261.340</b>	<b>49.755.880.766</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	14.937.128.852	7.071.790.633
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên		3.913.055.401
Công ty Cổ phần Phúc Tâm Tài	1.186.771.500	543.700.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Thiết kế và Thương mại Hà Thành	105.000.000	105.000.000
Công ty TNHH Thiết bị Máy móc Leiyou Thượng Hải		2.035.495.500
Nhà cung cấp khác	2.045.391.668	2.709.491.015
<b>Cộng</b>	<b>18.274.292.020</b>	<b>16.378.532.549</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản phải thu khác

*Là các khoản cho vay không tính lãi và chi hộ*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	5.540.692.309	5.540.692.309
Công ty Cổ phần Trường Sơn	235.300.000	235.300.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm		120.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Năng lượng		114.008.000
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	220.041.196	
Ông Nguyễn Huy Liêm	1.383.313.839	1.383.313.839
Ông Nguyễn Văn Hùng	417.000.000	417.000.000
Công ty Cổ phần Vạn Xuân	423.798.000	2.699.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoạt		500.000.000
Công ty TNHH Cavico Khoáng sản Lào	567.614.400	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.481.328.000	
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	1.609.211.315	
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000	9.000.000.000
Đối tượng khác	199.844.620	151.912.761
<b>Cộng</b>	<b>15.289.143.679</b>	<b>20.161.226.909</b>

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.867.449.485)	(2.934.199.507)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		(2.801.860.705)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(14.367.528)	(27.927.979)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(98.180.654)	(87.467.915)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(1.754.901.303)	(16.942.908)
<b>Cộng</b>	<b>(1.867.449.485)</b>	<b>(2.934.199.507)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.934.199.507)	(2.669.395.923)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.717.869.340)	(264.803.584)
Hoàn nhập dự phòng	2.784.619.362	
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.867.449.485)</b>	<b>(2.934.199.507)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	681.222.085	980.904.847
Công cụ, dụng cụ	9.150.000	1.000.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.248.132.505	15.170.393.335
Thành phẩm	10.567.754.664	268.339.058
Hàng hóa	65.865.018	
Cộng	<u>27.572.124.272</u>	<u>16.420.637.240</u>

#### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	278.671.829	91.899.089
Chi phí khác	2.887.500	53.968.000
Cộng	<u>281.559.329</u>	<u>145.867.089</u>

#### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	17.036.256.827	13.682.087.399
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	229.912.991	268.103.591
Cộng	<u>17.266.169.818</u>	<u>13.950.190.990</u>

#### 9. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là khoản giữ lại theo thời gian bảo hành công trình thủy điện Đakđrinh.

#### 10. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho vay ủy thác đầu tư</i>	<i>13.609.000.000</i>	
Ông Trần Thanh Hiệp	8.809.000.000	
Ông Trần Thanh Hữu	1.200.000.000	
Ông Nguyễn Hữu Trung	1.200.000.000	
Ông Nguyễn Văn Hùng	1.200.000.000	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	1.200.000.000	
<i>Các khoản khác</i>		<i>531.492.214</i>
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm		531.492.214
Cộng	<u>13.609.000.000</u>	<u>531.492.214</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	781.988.436	6.190.078.963	1.329.318.399	44.541.818	8.345.927.616
Mua sắm mới		13.153.292.000	1.990.523.636		15.143.815.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		13.089.343.678			13.089.343.678
Thanh lý, nhượng bán		(727.272.727)			(727.272.727)
<b>Số cuối năm</b>	<b>781.988.436</b>	<b>31.705.441.914</b>	<b>3.319.842.035</b>	<b>44.541.818</b>	<b>35.851.814.203</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.450.000.000	494.015.455	44.541.818	1.988.557.273
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	221.089.884	3.564.583.663	944.948.693	44.541.818	4.775.164.058
Khấu hao phân bổ vào chi phí xây dựng cơ bản trong năm	78.198.840	113.079.003			191.277.843
Khấu hao phân bổ vào chi phí trong năm		2.056.596.401	565.554.830		2.622.151.231
Thanh lý, nhượng bán		(310.964.206)			(310.964.206)
<b>Số cuối năm</b>	<b>299.288.724</b>	<b>5.423.294.861</b>	<b>1.510.503.523</b>	<b>44.541.818</b>	<b>7.277.628.926</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	560.898.552	2.625.495.300	384.369.706		3.570.763.558
<b>Số cuối năm</b>	<b>482.699.712</b>	<b>26.282.147.053</b>	<b>1.809.338.512</b>		<b>28.574.185.277</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 835.302.944 VND và 229.920.521 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*****Giấy phép khai thác mỏ***

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	9.975.000.000	1.357.708.323	8.617.291.677
Khấu hao phân bổ vào chi phí xây dựng cơ bản trong năm		332.499.996	
Giảm trong năm			(332.499.996)
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.975.000.000</b>	<b>1.690.208.319</b>	<b>8.284.791.681</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	95.179.036.300	2.617.168.080	13.089.343.678	16.979.349.853	67.727.510.849
<i>Xây dựng đường Mỏ Quỳ Hợp</i>	6.485.579.496	85.111.127			6.570.690.623
<i>Xây dựng nhà máy chế biến bột đá</i>	11.589.263.554				11.589.263.554
<i>Mỏ sắt Trán Hưng - tỉnh Yên Bái</i>	37.726.434.587	564.909.091	13.089.343.678		25.202.000.000
<i>Dự án bất động sản Mễ Trì</i>	6.865.234.524				6.865.234.524
<i>Chi phí chung dự án Mỏ Quỳ Hợp</i>	2.076.776.909	413.494.060			2.490.270.969
<i>Dự án trạm nghiên cứu Quỳ Hợp</i>	1.057.429.718				1.057.429.718
<i>Dự án mỏ Thung Sán</i>	1.977.649.331				1.977.649.331
<i>Dự án Nhà máy Đá nhân tạo (*)</i>	25.576.342.306	1.302.131.809		16.979.349.853	9.899.124.262
<i>Dự án Vũng Áng</i>	1.824.325.875	251.521.993			2.075.847.868
<b>Cộng</b>	<b>95.179.036.300</b>	<b>2.617.168.080</b>	<b>13.089.343.678</b>	<b>16.979.349.853</b>	<b>67.727.510.849</b>

(\*) Giảm trong năm bao gồm 1.218.620.853 VND do giảm lãi vay đã vốn hóa Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Đông theo biên bản thanh lý hợp đồng và 15.760.729.000 VND là do đi dời dự án.

**14. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				939.489.622
<i>Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa Ốc<sup>(i)</sup></i>			940.000	939.489.622
Đầu tư dài hạn khác		16.389.674.680		
<i>Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn<sup>(ii)</sup></i>		16.389.674.680		
<b>Cộng</b>		<b>16.389.674.680</b>		<b>939.489.622</b>

(i) Trong năm Công ty chuyển nhượng khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa Ốc sang góp vốn liên doanh vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn.

(ii) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI-2014 ngày 01 tháng 11 năm 2014, vốn góp của Công ty là 25 tỷ VND, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã góp vốn đầu tư số tiền là 16.389.674.680 VND bằng quyền đòi nợ và đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa Ốc, số vốn còn phải góp theo cam kết là 8.816.325.320 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)\***

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	335.939.894	970.952.741	477.667.630	18.744.444	810.480.561
Chi phí sửa chữa, thuê máy	158.299.168	186.114.535	10.730.153		333.683.550
<b>Cộng</b>	<b>494.239.062</b>	<b>1.157.067.276</b>	<b>488.397.783</b>	<b>18.744.444</b>	<b>1.144.164.111</b>

**16. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.804.899.180	38.324.169.751
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	32.769.997.007	34.336.237.520
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm		3.987.932.231
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	10.034.902.173	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.344.217.746	4.640.550.746
Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An (*)	3.372.550.746	3.372.550.746
Bà Ngô Minh Yến		148.000.000
Ông Trần Thanh Hữu	620.000.000	1.120.000.000
Ông Trần Thanh Hiệp	1.351.667.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.289.000.000	5.955.065.500
<b>Cộng</b>	<b>51.438.116.926</b>	<b>48.919.785.997</b>

(\*) Theo hợp đồng hợp tác số 01-21062010/HDĐT-CVCSM-TAS ngày 21/06/2010 và phụ lục 01 ngày 21/02/2011, lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm, ngày đến hạn thanh toán toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng là ngày 25 tháng 11 năm 2011. Tuy nhiên hiện nay Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An đang lâm vào tình trạng không còn hoạt động. Vì vậy, Công ty không đối chiếu được công nợ cũng như chưa thanh toán khoản vay này.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:**

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	38.324.169.751	4.640.550.746	5.955.065.500	48.919.785.997
Số tiền vay phát sinh trong năm	23.162.198.658			23.162.198.658
Số kết chuyển			6.038.473.592	6.038.473.592
Lãi vay nhập gốc	3.266.845			3.266.845
Chuyển nợ thành vay ngắn hạn		1.550.000.000		1.550.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(18.684.736.074)	(698.333.000)	(8.704.539.092)	(28.087.608.166)
Chuyển nợ thành vốn góp		(148.000.000)		(148.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>42.804.899.180</b>	<b>5.344.217.746</b>	<b>3.289.000.000</b>	<b>51.438.116.926</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Phải trả người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Trường Sơn		1.614.745.651
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Quốc Bảo	302.600.000	302.600.000
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	307.721.718	307.721.718
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	209.000.000	209.000.000
Chi nhánh Công ty Hóa chất mỏ Quảng Ngãi	154.019.247	154.019.247
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch Trần Việt	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng	165.000.000	165.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	609.919.450	3.503.296.011
Công ty TNHH Thương mại Dương Kim Long	68.030.566	68.030.566
Doanh nghiệp tư nhân Đức Trường Giang	170.264.501	367.286.544
Bà Bùi Thị Vinh	120.792.234	236.886.561
Công ty Cổ phần Cơ khí Đức Việt Nam	286.625.471	212.970.345
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hà Thái	1.526.533.172	2.980.339.103
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đông Nam	1.421.756.410	864.256.410
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Tuấn Huyền	104.140.000	
Nhà cung cấp khác	2.244.497.311	2.347.454.086
<b>Cộng</b>	<b>7.740.900.080</b>	<b>13.383.606.242</b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Hương Trà		3.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hà Thái	1.901.000.000	
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hồng Đoàn	200.000.000	2.100.000.000
Khách hàng khác	27.153.500	27.153.500
<b>Cộng</b>	<b>2.128.153.500</b>	<b>5.227.153.500</b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.760.650.128	3.288.761.952	796.305.009	8.253.107.071
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		691.022.408	691.022.408	
Thuế xuất, nhập khẩu		100.881.082	100.881.082	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.671.186.399	7.181.993.292	20.000.000	14.833.179.691
Thuế thu nhập cá nhân	284.406.689	402.754.534		687.161.223
Thuế tài nguyên	2.775.539.136	5.053.203.395	400.000.000	7.428.742.531
Các loại thuế khác	6.851.551	3.659.505	3.000.000	7.511.056
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.875.715.181	4.848.982.799	85.976.000	6.638.721.980
<b>Cộng</b>	<b>18.374.349.084</b>	<b>21.571.258.967</b>	<b>2.097.184.499</b>	<b>37.848.423.552</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.620.970.731	16.536.920.918
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	24.453.323	1.580.892.262
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản chi phí không được trừ)	24.453.323	1.580.892.262
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	32.645.424.054	18.117.813.180
Lỗi các năm trước được chuyển		(3.018.267.772)
Thu nhập tính thuế	32.645.424.054	15.099.545.408
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>7.181.993.292</b>	<b>3.774.886.351</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.181.993.292</b>	<b>3.774.886.351</b>

#### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác quặng sắt và khai thác đá.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### **21. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	7.078.811.333	11.609.210.174
Các chi phí tạm tính theo hợp đồng	30.055.248.514	1.647.308.045
<b>Cộng</b>	<b>37.134.059.847</b>	<b>13.256.518.219</b>

#### **22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	30.785.924	77.190.110
Bảo hiểm xã hội	984.743.848	672.448.213
Bảo hiểm y tế	25.122.330	15.036.508
Bảo hiểm thất nghiệp	65.495.339	46.640.868
Vay không tính lãi	6.991.388.160	32.524.029.567
Cổ tức còn phải trả	4.000.000	
Phải trả, phải nộp khác	204.066.324	363.601.349
<b>Cộng</b>	<b>8.305.601.925</b>	<b>33.698.946.615</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(42.604.432)		26.000.000	(68.604.432)
Quỹ phúc lợi	(2.000.000)	3.552.000		1.552.000
<b>Cộng</b>	<b>(44.604.432)</b>	<b>3.552.000</b>	<b>26.000.000</b>	<b>(67.052.432)</b>

**24. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>5.496.700.000</b>	<b>11.810.591.592</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt <sup>(i)</sup>	5.496.700.000	9.148.868.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Đông		2.661.723.592
<b>Cộng</b>	<b>5.496.700.000</b>	<b>11.810.591.592</b>

**(i) Khoản vay theo 2 hợp đồng:**

- Hợp đồng tín dụng số 1450-201100165/HĐTD ngày 19/05/2011, hạn mức vay 5 tỷ đồng, mục đích trả tiền mua máy móc thiết bị, lãi suất thả nổi (lãi suất bình quân 6 tháng đầu năm 2014 là 13%/năm), thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tài sản đảm bảo là giấy phép khai thác mỏ sắt.
- Hợp đồng số 201100330/HĐTD ngày 15/09/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 1-201100330/PLHĐTD ngày 11/05/2012, mức dư nợ cao nhất là 10 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tài sản thế chấp là quyền đầu tư khai thác và chế biến quặng sắt Chấn Hưng tại thôn Chấn Hưng, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái và quyền đầu tư khai thác và chế biến mỏ quặng sắt tại thôn Thác Cá, xã Mỏ Vàng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.289.000.000	5.955.065.500
Trên 1 năm đến 5 năm	5.496.700.000	11.810.591.592
Trên 5 năm		
<b>Tổng nợ</b>	<b>8.785.700.000</b>	<b>17.765.657.092</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	11.810.591.592	87.750.000	363.168.000	6.038.473.592	5.496.700.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	9.148.868.000		363.168.000	3.289.000.000	5.496.700.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Đông	2.661.723.592	87.750.000		2.749.473.592	
<b>Cộng</b>	<b>11.810.591.592</b>	<b>87.750.000</b>	<b>363.168.000</b>	<b>6.038.473.592</b>	<b>5.496.700.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 25. Vốn chủ sở hữu

##### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	74.260.000.000	3.279.400.000	752.388.779	138.955.389	(10.914.599.945)	67.516.144.223
Lợi nhuận trong năm trước					12.762.034.567	12.762.034.567
Giảm khác					(980.464.915)	(980.464.915)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>74.260.000.000</b>	<b>3.279.400.000</b>	<b>752.388.779</b>	<b>138.955.389</b>	<b>866.969.707</b>	<b>79.297.713.875</b>
Số dư đầu năm nay	74.260.000.000	3.279.400.000	752.388.779	138.955.389	866.969.707	79.297.713.875
Cổ đông góp vốn bằng tiền	46.200.000.000					46.200.000.000
Lợi nhuận trong năm nay					25.438.977.439	25.438.977.439
Chuyển nợ thành vốn góp	25.740.000.000					25.740.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu		(111.632.022)				(111.632.022)
Chia cổ tức					(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>146.200.000.000</b>	<b>3.167.767.978</b>	<b>752.388.779</b>	<b>138.955.389</b>	<b>16.305.947.146</b>	<b>166.565.059.292</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khoáng sản Việt Nam	18.975.000.000	18,97%	18.975.000.000
Ông Trần Thanh Hải	3.886.000.000	3,89%	
Ông Đặng Minh Toàn	200.000.000	0,20%	
Ông Trần Thanh Hiệp			4.062.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng			2.265.140.000
Ông Nguyễn Hữu Trung			2.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh			1.500.000.000
Ông Trần Thanh Hữu			1.500.000.000
Các cổ đông khác	76.939.000.000	76,94%	115.897.860.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>146.200.000.000</b>

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức	9.996.000.000	

#### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	7.426.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.620.000	7.426.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.620.000	7.426.000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	113.552.129.282	52.875.522.372
- Doanh thu bán hàng hóa	18.746.191.182	14.815.595.537
- Doanh thu bán thành phẩm	92.604.241.212	37.997.227.781
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.399.527.273	62.699.054
- Doanh thu hoạt động xây dựng	802.169.615	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>113.552.129.282</b>	<b>52.875.522.372</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	17.785.798.235	14.673.927.737
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	52.833.621.344	13.052.207.233
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	886.273.247	203.125.805
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	155.623.588	
<b>Cộng</b>	<b>71.661.316.414</b>	<b>27.929.260.775</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	50.990.125	1.253.308.539
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.614	
<b>Cộng</b>	<b>50.997.739</b>	<b>1.253.308.539</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.452.420.754	4.077.115.094
Chi phí tài chính khác	169.444.444	
<b>Cộng</b>	<b>4.621.865.198</b>	<b>4.077.115.094</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.121.535.686	
Chi phí bằng tiền khác	57.550.112	
<b>Cộng</b>	<b>2.179.085.798</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.562.717.285	2.960.551.354
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.710.440	82.978.768
Chi phí khấu hao TSCĐ	501.936.022	268.477.260
Thuế, phí và lệ phí	2.558.988	82.833.022
Chi phí dự phòng	(1.066.750.022)	264.803.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.897.359	898.705.580
Chi phí bằng tiền khác	304.082.762	212.039.873
<b>Cộng</b>	<b>4.680.152.834</b>	<b>4.770.389.441</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ chuyển nhượng hạ tầng mỏ		217.302.668
Thu hồi, đền bù dự án bị di dời	15.760.729.000	
Thanh lý tài sản	2.818.181.818	3.072.727.272
Thu nhập khác	18.300.000	1.135.331.845
<b>Cộng</b>	<b>18.597.210.818</b>	<b>4.425.361.785</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	416.308.521	2.762.269.771
Giá trị đầu tư dự án bị thu hồi	15.760.729.000	
Chi phí bồi thường	15.000.000	
Tiền phạt thuế, vi phạm hành chính	9.453.323	1.389.227.313
Chi phí thi công đường mỏ		831.668.182
Chi phí khác	235.456.020	257.341.202
<b>Cộng</b>	<b>16.436.946.864</b>	<b>5.240.506.468</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.438.977.439	12.762.034.567
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.438.977.439	12.762.034.567
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.949.884	7.426.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.557</b>	<b>1.719</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.426.000	7.426.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 02 năm 2014	2.277.814	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 12 năm 2014	246.070	
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>9.949.884</b>	<b>7.426.000</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	25.740.000.000	
Lãi vay ngắn hạn nhập gốc	3.266.845	
Chuyển nợ thành vay ngắn hạn	1.550.000.000	

### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty đã có nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 160.000.000.000 VND nhưng chưa hoàn thành, vì vậy các khoản tiền vốn góp của các cổ đông đang bị phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cầu Giấy.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các khoản cam kết

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI-2014 ngày 01 tháng 11 năm 2014 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn, vốn góp của Công ty là 25 tỷ VND, đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã góp vốn đầu tư số tiền là 16.389.674.680 VND bằng quyền đòi nợ và đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa Ốc, số vốn còn phải góp theo cam kết là 8.816.325.320 VND.

### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày 13 tháng 2 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 160.000.000.000 VND từ việc chào bán riêng lẻ 6.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu và giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu.

### 3. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Công ty cho vay ủy thác đầu tư	12.409.000.000	
Tạm ứng	2.277.951.100	939.964.500
Hoàn tạm ứng	162.530.800	207.164.106
Cho Công ty vay ngắn hạn	1.550.000.000	
Công ty trả tiền vay ngắn hạn	698.333.000	800.000.000
<b>Ban điều hành</b>		
Công ty cho vay tiền	1.418.836.000	
Trả tiền vay cho Công ty	1.418.836.000	
Công ty trả tiền vay ngắn hạn		1.220.000.000
Tạm ứng	743.096.000	674.072.056
Hoàn tạm ứng	181.058.964	633.929.062

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	26.505.444.230	10.781.023.930
Ban điều hành	952.466.915	445.639.535
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>27.457.911.145</b>	<b>11.226.663.465</b>
Hội đồng quản trị	3.566.476.771	12.358.873.071
Ban điều hành	24.000.000	824.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>3.590.476.771</b>	<b>13.182.873.071</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và thưởng	1.078.913.316	834.276.000

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	Cùng chủ sở hữu

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	95.904.450.461	12.336.001.988
Mua hàng hóa	8.384.100.833	14.088.627.318
Mua tài sản cố định	13.100.000.000	
Thuê trạm tuyển	4.184.978.692	
<b>Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào</b>		
Các khoản chi hộ	1.661.080.461	



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam</b>	<b>65.971.803.925</b>	<b>28.289.473.015</b>
Phải thu tiền bán hàng	45.493.982.764	15.676.990.073
Các khoản trả trước	14.937.128.852	7.071.790.633
Các khoản khác	5.540.692.309	5.540.692.309
<b>Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào</b>	<b>1.609.211.315</b>	
Các khoản khác	1.609.211.315	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>67.581.015.240</b>	<b>28.289.473.015</b>
<b>Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam</b>	<b>609.919.450</b>	<b>14.840.130.973</b>
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	609.919.450	3.503.296.011
Phải trả tiền vay		11.336.834.962
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>609.919.450</b>	<b>14.840.130.973</b>

#### 4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: khai khoáng
- Lĩnh vực kinh doanh: lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	103.168.614.212	10.383.515.070	113.552.129.282
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>103.168.614.212</b>	<b>10.383.515.070</b>	<b>113.552.129.282</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.739.794.686	2.151.018.182	41.890.812.868
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.859.238.632)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			35.031.574.236
Doanh thu hoạt động tài chính			50.997.739
Chi phí tài chính			(4.621.865.198)
Thu nhập khác			18.597.210.818
Chi phí khác			(16.436.946.864)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.181.993.292)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>25.438.977.439</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>18.645.865.566</b>	<b>292.697.426</b>	<b>18.938.562.992</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.301.994.136</b>	<b>332.332.717</b>	<b>3.634.326.853</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.812.823.318	62.699.054	52.875.522.372
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>52.812.823.318</b>	<b>62.699.054</b>	<b>52.875.522.372</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.086.688.348	(140.426.751)	24.946.261.597
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(4.770.389.441)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			20.175.872.156
Doanh thu hoạt động tài chính			1.253.308.539
Chi phí tài chính			(4.077.115.094)
Thu nhập khác			4.425.361.785
Chi phí khác			(5.240.506.468)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.774.886.351)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>12.762.034.567</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>26.468.009.157</b>	<b>31.422.655</b>	<b>26.499.431.812</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.820.709.322</b>	<b>2.161.535</b>	<b>1.822.870.857</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	146.230.554.740	10.536.629.082	156.767.183.822
Tài sản phân bổ cho bộ phận	133.986.761.556	13.485.240.336	147.472.001.892
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			16.389.674.680
<b>Tổng tài sản</b>			<b>320.628.860.394</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	29.835.108.208	10.089.193.886	39.924.302.094
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	52.034.651.580	5.237.082.934	57.271.734.514
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			56.867.764.494
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>154.063.801.102</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	145.405.001.481	17.768.211.953	163.173.213.434
Tài sản phân bổ cho bộ phận	62.297.908.310	73.959.688	62.371.867.998
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			939.489.622
<b>Tổng tài sản</b>			<b>226.484.571.054</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.130.943.159	12.127.124.628	20.258.067.787
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	66.164.466.194	78.550.041	66.243.016.235
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			60.685.773.157
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>147.186.857.179</b>

#### Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 5. Các sai sót

Năm 2011 và 2012 Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng của phần xây lắp công trình thủy điện Đakdrinh theo biên bản nghiệm thu khối lượng và phần tạm ứng mà chưa có xác nhận giá trị về công việc hoàn thành dẫn đến phản ánh không đúng các chỉ tiêu có liên quan.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm			Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số	trước	Các điều chỉnh	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tài sản ngắn hạn	100	114.654.442.738	680.156.755	115.334.599.493
Phải thu khách hàng	131	54.221.076.762	(4.465.195.996)	49.755.880.766
Hàng tồn kho	141	11.275.284.489	5.145.352.751	16.420.637.240
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>225.804.414.299</b>	<b>680.156.755</b>	<b>226.484.571.054</b>
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	78.617.557.120	680.156.755	79.297.713.875
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	186.812.952	680.156.755	866.969.707
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>225.804.414.299</b>	<b>680.156.755</b>	<b>226.484.571.054</b>

#### 6. Quản lý rủi ro tài chính

##### Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung không tập trung vào khách hàng nhất định. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi công nợ.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.516.145.462				46.516.145.462
Phải thu khách hàng	61.165.108.104			302.440.597	61.467.548.701
Các khoản phải thu khác	29.228.056.670				29.228.056.670
<b>Cộng</b>	<b>136.909.310.236</b>			<b>302.440.597</b>	<b>137.211.750.833</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.456.463.457				1.456.463.457
Phải thu khách hàng	23.531.325.231			28.042.214.663	51.573.539.894
Các khoản phải thu khác	20.960.822.714				20.960.822.714
<b>Cộng</b>	<b>45.948.611.402</b>			<b>28.042.214.663</b>	<b>73.990.826.065</b>

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	51.438.116.926	5.496.700.000		56.934.816.926
Phải trả người bán	7.740.900.080			7.740.900.080
Các khoản phải trả khác	44.329.514.331			44.329.514.331
<b>Cộng</b>	<b>103.508.531.337</b>	<b>5.496.700.000</b>		<b>109.005.231.337</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	48.919.785.997	11.810.591.592		60.730.377.589
Phải trả người bán	13.383.606.242			13.383.606.242
Các khoản phải trả khác	46.144.149.135			46.144.149.135
<b>Cộng</b>	<b>108.447.541.374</b>	<b>11.810.591.592</b>		<b>120.258.132.966</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu thiết bị cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	200,47	486,96
<b>Tài sản thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>200,47</b>	<b>486,96</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.200.000.000	
Vay và nợ	(56.934.816.926)	(46.144.149.135)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(10.734.816.926)</b>	<b>(46.144.149.135)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 167.463.144 VND (năm trước giảm/tăng 692.162.237 VND).

#### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## 7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.516.145.462		1.456.463.457		46.516.145.462	1.456.463.457
Phải thu khách hàng	61.467.548.701	(246.847.646)	51.573.539.894	(2.897.347.507)	61.220.701.055	48.676.192.387
Các khoản phải thu khác	29.228.056.670	(1.620.601.839)	20.960.822.714	(36.852.000)	27.607.454.831	20.923.970.714
<b>Cộng</b>	<b>137.211.750.833</b>	<b>(1.867.449.485)</b>	<b>73.990.826.065</b>	<b>(2.934.199.507)</b>	<b>135.344.301.348</b>	<b>71.056.626.558</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	56.934.816.926	60.730.377.589	56.934.816.926	60.730.377.589
Phải trả người bán	7.740.900.080	13.383.606.242	7.740.900.080	13.383.606.242
Các khoản phải trả khác	44.329.514.331	46.144.149.135	44.329.514.331	46.144.149.135
<b>Cộng</b>	<b>109.005.231.337</b>	<b>120.258.132.966</b>	<b>109.005.231.337</b>	<b>120.258.132.966</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

#### 8. Những thông tin khác

Số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam, một số chỉ tiêu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và Bản thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày lại cho phù hợp.

Lập, ngày 10 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Toàn

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hiệp